TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN GÒ VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Bản án số: 07/2020/DS-ST
Ngày: 10-01-2020
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Chí

Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

Thư ký phiên tòa án: Bà Nguyễn Thị Tuyến- Cán bộ Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 10/01/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 357/2019/TLST - DS ngày 14 tháng 6 năm 2019 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 388/2019/QĐXXST- DS ngày 05 tháng 12 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 324/2019/QĐST-DS ngày 23/12/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần A; địa chỉ: 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ma Khánh C (theo giấy ủy quyền số 422/UQ-TTT ngày 10/01/2019 (Có yêu cầu xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn*: Ông Trần Ngọc K- sinh năm: 1974; địa chỉ: Nhà A Phạm Văn Chiêu, Phường Y, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 13/5/2019 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn và người đại diện nguyên đơn trình bày ý kiến:

Ngày 11/4/2016, Ngân hàng Thương mại cổ phần A (viết tắt là "*nguyên đơn*") và ông Trần Ngọc K (viết tắt "*bị đơn*") đã ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng và Bản điều khoản và điều khoản sử dụng thẻ tín

dụng của Ngân hàng). Căn cứ thu nhập của bị đơn, nguyên đơn đã cấp thẻ tín dụng với số tiền hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân cho bị đơn và đã thực hiện kích hoạt thẻ. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bị đơn đã sử dụng thẻ tín dụng để thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 31.854.000 đồng. Bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền 25.220.000 đồng, từ ngày 30/11/2017 bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Điều 20 của Bản điều khoản và điều khoản sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Đến ngày 01/12/2017, nguyên đơn đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ số dư nợ chuyển sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản điều khoản và điều khoản sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã được quy định tại hợp đồng và Bản điều khoản và điều khoản sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn. Tính đến ngày 15/4/2019, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 22.320.406 đồng bao gồm: Nợ gốc: 14.507.311 đồng và nợ lãi quá hạn là 7.813.095 đồng. Ngoài ra nguyên đơn không có yêu cầu gì khác.

Tòa án đạt tống đạt hợp lệ thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng của Tòa án, cùng giấy triệu tập ông Trần Ngọc K đến Tòa án làm việc và tham gia phiên họp, nhưng ông Kiểm không đến Tòa án và cũng không có ý kiến bằng văn bản trước yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp.

Tại phiên tòa,

Người đại diện ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 23/12/2019 và vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu buộc bị đơn thanh toán tổng số tiền 26.531.056 đồng bao gồm: Nợ gốc 14.507.311 đồng và nợ lãi tính đến ngày 10/01/2020 là 12.023.745 đồng và khoản lãi phát sinh từ ngày 11/01/2020 cho đến khi trả dứt nợ theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng.

Bị đơn đã được tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu quan điểm tại phiên tòa sơ thẩm xác định:

- *Việc tuân thủ pháp luật tố tụng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa từ thời điểm thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền- nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền- nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70 và 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án*: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của nguyên đơn tại đơn khởi kiện, các bản khai có căn cứ xác định bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền Nợ gốc 14.507.311 đồng và nợ lãi tính đến ngày 10/01/2020 là 12.023.745 đồng. Căn cứ Điều 2 và Điều 23 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ của Ngân hàng thương mai cổ phần A; Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2011 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về pháp luật tố tụng dân sự***

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp thẩm quyền giải quyết vụ án.* Đây là vụ án dân sự về hợp đồng tín dụng (*hợp đồng vay tài sản*), do bị đơn đang cư trú tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] *Về sự có mặt của đương sự.*

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét xét xử vắng nguyên đơn và bị đơn theo quy định của pháp luật.

[1.3] *Về quyền và thời hiệu khởi kiện.* Xét, ngày 11/4/2016 các đương sự ký kết giấy vay tiền và ngày 01/12/2017 bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 13/5/2019, nguyên đơn có đơn khởi kiện tranh chấp giấy vay tiền mà các bên đã ký kết tại Tòa án, căn cứ Điều 4, Điều 184, Điều 185 và Điều 186 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì nguyên đơn có quyền khởi kiện và khởi kiện còn trong thời hiệu.

[1.4] *Các tài liệu, chứng cứ không phải chứng minh*:

Tòa án đã thực hiện việc công khai tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn đã cung cấp và thông báo kết quả phiên họp công khai chứng cứ cho bị đơn về các tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp nhưng bị đơn không có ý kiến phản đối; căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì những tình tiết, sự kiện sau được xác định tài liệu- chứng cứ không phải chứng minh: Phiếu yêu cầu thẻ và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 11/4/2016, Tóm tắt sao kê ngày 05/10/2019; Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương tín.

[2] Giải quyết yêu cầu của nguyên đơn

[2] *Về yêu cầu và trách nhiệm của các đương sự:*

Theo kết quả trả lời xác minh ngày 19/9/2019 của Công an Phường Y, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung: "*Ông Trần Ngọc K hiện không sinh sống tại địa chỉ: Nhà A Phạm Văn Chiêu, Phường Y, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh" và ngày 26/9/2019 có nội dung: "Ông Trần Ngọc K- 1974 có hộ khẩu thường trú tại Nhà A Đường số 51, Phường Y, quận Gò Vấp, nhưng đã đi khỏi địa phương, đi đâu không rõ"*. Căn cứ quy định tại điểm đ Khoản 4 Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì địa chỉ nhà A Phạm Văn Chiêu, Phường Y, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh được xác định là địa chỉ ông K từng cư trú gần nhất tính đến thời điểm nguyên đơn khởi kiện và thể hiện nguyên đơn đã ghi đúng địa chỉ của ông K theo quy định tại điểm e Khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án đã thực hiện việc tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cùng giấy triệu tập ông

Kiềm đến Tòa án nhưng ông K đến, không cung cấp tài liệu chứng cứ và không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp cho Tòa án.

Căn cứ, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 11/4/2016, Giấy yêu cầu thẻ ngày 21/4/2016 của bị đơn, Tóm tắt sao kê ngày 05/10/2019 do nguyên đơn cung cấp có đủ cơ sở xác định bị đơn đã mở và kích hoạt thẻ tín dụng số 4720749069 loại thẻ cá nhân tín chấp tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín với hạn mức là 15 triệu đồng, bị đơn xác nhận đã nhận được Mã số xác định chủ thẻ cho thẻ của bị đơn và đồng ý bị ràng buộc bởi các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tại Ngân hàng Thương mại cổ phần A. Đối chiếu với quy định tại các Điều 401, Điều 402, Điều 405 Bộ luật dân sự năm 2005 (nay là Điều 116, 117, 118 Bộ luật dân sự năm 2015) thì giao dịch dân sự giữa các bên là hợp pháp và phát sinh hiệu lực thi hành.

Xét hiệu lực thực hiện giao dịch giữa các bên từ ngày 11/4/2016; tuy nhiên căn cứ hồ sơ tài liệu do nguyên đơn cung cấp không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện bị đơn đã trả hết nợ gốc và lãi mặc dù nguyên đơn đã ra nhiều thông báo nhắc nợ gửi bị đơn bằng hình thức báo phát và thư điện tử (mail) thể hiện ngày 05/9/2017 và ngày 01/12/2017 bị đơn còn nợ của nguyên đơn số tiền 14.507.311 đồng. Như vậy, có cơ sở xác định bị đơn đã không thực hiện đúng cam kết thanh toán và trả nợ mà các bên đã thỏa thuận tại điểm 2 của Giấy yêu cầu phát hành thẻ tín dụng. Căn cứ Điều 280, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả nguyên đơn số tiền nợ gốc là 14.507.311 đồng.

Xét, yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả lãi: Theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 11/4/2016 đã ký kết thể hiện các bên có thỏa thuận về lãi tại thời điểm làm thẻ là 2.15%/tháng và Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ của Ngân hàng thương mai cổ phần A (điểm 2.4) thì bị đơn có trách nhiệm thanh toán các khoản phí liên quan đến thẻ. Tranh chấp hợp đồng tín dụng là loại hợp đồng dân sự đặc thù, được điều chỉnh bởi Luật các tổ chức tín dụng và văn bản pháp luật hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng quy định: "*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất"* và tại Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định: "*Tổ chức tín dụng thực hiện cho vay bằng đồng Việt Nam theo lãi suất thỏa thuận đối với khách hàng"*. Theo Điều 280 Bộ luật dân sự quy định: "*Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc trừ trường hợp có thỏa thuận khác*" và Khoản 1 Điều 357 Bộ luật dân sự quy định: "*trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả*". Đối chiếu các quy định của pháp luật nêu trên việc thỏa thuận lãi giữa nguyên đơn và bị đơn là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật. Vì vậy, đối với các khoản tiền vay của tổ chức Ngân hàng, tín dụng, ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn, phí mà khách hàng vay phải thanh toán cho bên cho vay theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp

tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay. Do vậy, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi từ tháng ngày 01/12/2017 đến ngày 10/01/2020 (ngày xét xử sơ thẩm) là 12.023.745 đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 11/01/2020 cho đến ngày bị đơn trả dứt nợ theo lãi suất quá hạn theo thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 11/4/2016 là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những chứng cứ và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Căn cứ Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án thì bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Hoàn tiền tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 39, Điều 48, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 154, Điều 280, Điều 357, Điều 466, Điều 468 và Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án;

Căn cứ vào Luật thi hành án dân sự.

Áp dụng án lệ số 08/2016/AL *về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm* đã được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần A

Buộc ông Trần Ngọc K phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền 26.531.056 đồng (*Hai mươi sáu triệu năm trăm ba mươi mốt nghìn không trăm năm mươi sáu*) đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 11/01/2020 cho đến ngày bị đơn trả dứt nợ theo lãi suất quá hạn đã thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 11/4/2016 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Trường hợp trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 11/4/2016 và Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ của Ngân hàng TMCP A các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông Trần Ngọc K phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Thực hiện ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. *Án phí dân sự sơ thẩm*: Ông Trần Ngọc K phải nộp 1.326.553 đồng tiền án phí sơ thẩm tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trả lại số tiền tạm ứng án phí 558.010 đồng cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2018/0000916 ngày 14/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. *Quyền và thời hạn kháng cáo*: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định thi hành theo quy tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND Tp. HCM;
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ. (Tuyến.TK)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Minh Phượng